

MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU GẮN VỚI BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN KHẢO CỔ NGOÀI TRỜI THÔN 7 TẠI CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT TOÀN CẦU UNESCO ĐẮK NÔNG

Vũ Tiến Đức^{1*}

¹Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Vũ Tiến Đức, tienduc1988@gmail.com

THÔNG TIN CHUNG

Ngày nhận bài: 07/08/2024

Ngày nhận bài sửa: 29/08/2024

Ngày duyệt đăng: 21/11/2024

TỪ KHOÁ

Bảo tồn và phát huy di sản

Công viên địa chất toàn cầu UNESCO

Đắk Nông

Di tích khảo cổ học;

Giá trị di sản;

Thời đại Đá cũ

TÓM TẮT

Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông (gọi tắt Công viên) với các giá trị di sản nổi bật, được xác định là một trong những động lực phát triển tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, cho đến nay, hiệu quả khai thác di sản Công viên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế. Các nghiên cứu khảo cổ đã chứng minh sự phong phú, đa dạng về số lượng, loại hình cũng như tiềm năng di sản của các di tích khảo cổ học ngoài trời tại Công viên. Những di sản này còn đang ngủ quên, chưa được khai thác bởi các kế hoạch, các hành động cụ thể. Nghiên cứu khảo cổ gắn với mục tiêu bảo tồn và phát huy giá trị di sản di tích khảo cổ ngoài trời Thôn 7 (xã Đắk Drô, huyện Krông Nô) là mô hình thí điểm, bài học kinh nghiệm cho việc triển khai các hoạt động phát huy giá trị di sản di tích khảo cổ phục vụ phát triển địa phương.

1. GIỚI THIỆU

Theo Công ước về việc bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên của thế giới đã được thông qua ngày 16/11/1972, tại kỳ họp thứ 17, của Đại hội đồng UNESCO tại Paris, các di tích khảo cổ học có giá trị đặc biệt về phương diện lịch sử, thẩm mỹ, dân tộc học hoặc nhân chủng học được xem xét là di sản văn hóa (UNESCO, 1972). Giá trị di sản di tích khảo cổ càng thêm nổi bật nếu các giá trị này có mối quan hệ tương hỗ với di sản thiên nhiên khác nhằm tạo thành một giá trị di sản chung.

Công viên địa chất toàn cầu UNESCO (CVĐC TC UNESCO) là các khu vực địa lý thống nhất, duy nhất, nơi các địa điểm và cảnh quan có tầm quan trọng về địa chất quốc tế được quản lý với khái niệm toàn diện về bảo vệ, giáo dục và phát triển bền vững

(UNESCO, 2015). Khai thác giá trị di sản địa chất kết hợp với tất cả các khía cạnh khác của di sản thiên nhiên và văn hóa, trong đó có di sản khảo cổ học – một trong những di sản văn hóa của khu vực, sẽ tạo động lực tạo động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững địa phương gắn với phát triển CVĐC TC UNESCO. Trên thực tế, các CVĐC TC UNESCO của Việt Nam, hiện chú trọng khai thác các giá trị di sản địa chất hoặc giá trị trị di sản văn hóa tộc người truyền thống mà lãng quên giá trị di sản các di tích khảo cổ học.

Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông (gọi tắt là Công viên) được công nhận năm 2022, là CVĐC TC trẻ tuổi nhất trong tổng số 03 CVĐC TC UNESCO của Việt Nam. Những nghiên cứu khảo cổ học đã minh chứng tiềm năng di sản khảo cổ của

Công viên với 78 di tích được phát hiện, công bố và nghiên cứu. Đáng chú ý, từ năm 2022 đến năm 2024, 10 địa điểm khảo cổ học thời đại Đá cũ đã được phát hiện tại huyện Krông Nô và huyện Cư Jút (tỉnh Đắk Nông), trong phạm vi CVĐC TC UNESCO Đắk Nông. Những địa điểm khảo cổ học thời đại Đá cũ vốn không phổ biến trên thế giới, không chỉ tự thân luôn có sức hút đối với đông đảo du khách mà còn có giá trị khoa học trong nhận thức lịch sử - văn hóa dân tộc, lịch sử tiến hóa nhân loại và giáo dục ý thức cộng đồng về ý thức chủ quyền quốc gia dân tộc.

Với tầm quan trọng của giá trị di sản di tích Đá cũ, tháng 3/2024, Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên tiến hành khai quật di tích Thôn 7, xã Đắk Drô, huyện Krông Nô theo Quyết định số 449/QĐ-BVHTTDL, ngày 26/2/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Mục đích cuộc khai quật nhằm thu thập các mẫu vật phục vụ nghiên cứu đặc điểm, giá trị di sản của di tích, nghiên cứu thời đại Đá cũ tại tỉnh Đắk Nông. Hoạt động khai quật di tích theo hướng bảo tồn, lưu giữ các dấu tích, hiện vật trong tầng văn hóa theo từng lớp đào nhằm phục vụ hoạt động trưng bày tại chỗ, xây dựng điểm tham quan khảo cổ gắn với trải nghiệm văn hóa – cảnh quan địa phương trong tuyến du lịch Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết được thiết kế trên cơ sở kết quả hoạt động khai quật khảo cổ học kết hợp xây dựng mô hình bảo tồn và phát huy giá trị di sản nên ứng dụng các phương pháp cụ thể sau:

Phương pháp chính của nghiên cứu là *Phương pháp khai quật khảo cổ cùng các kỹ năng chỉnh lý di tích/di vật khảo cổ*: Đoàn công tác tiến hành mở 02 hố khai quật gồm hố 24.T7.H1 với diện tích 16 m², hố khai quật 24.T7.H2 với diện tích 10 m². Khai quật theo ô (mỗi ô 1 m²), đào theo lớp (mỗi lớp trung bình

10 cm). Khi gặp các di tích như hố đất đen hoặc hiện vật thì dừng lại xử lý, ghi chép, chụp ảnh và định vị trên sơ đồ khai quật. Tại hố 24.T7.H1, đoàn khai quật bảo tồn 3 mặt bằng, tại hố 24.T7.H2 bảo tồn 2 mặt bằng, mỗi mặt bằng diện tích 4 m², nhằm phục vụ công tác bảo tồn. Tại bề mặt sinh thổ mỗi hố, đoàn khai quật đào 1 m² sâu xuống tầng sinh thổ, kiểm tra dưới còn di tích khác không. Sau khai quật những di vật ở các mức trên được bảo quản tại chỗ, bằng việc trải nilon, phủ lấp đất vào lòng hố khai quật, trả lại mặt bằng sản xuất cho gia chủ. Dấu tích văn hóa trong hố khai quật sẽ phục dựng di sản văn hóa cổ xưa tại chỗ khi có kinh phí.

Tất cả các mẫu vật thu thập được tại công trường đều được chỉnh lý, nghiên cứu tại phòng thí nghiệm, bằng các công đoạn: rửa sạch, phơi khô, phân loại theo chất liệu, loại hình, kỹ thuật chế tác. Thu thập đầy đủ thông tin định tính và định lượng từng loại di vật, biên soạn báo cáo khai quật, sau đó bàn giao cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đắk Nông theo Luật Di sản Văn hóa.

Phương pháp tuyên truyền miệng cá biệt: quá trình khai quật, các chuyên gia tiến hành tuyên truyền miệng cá biệt đối với người dân sinh sống tại di tích, các hướng dẫn viên du lịch về nhận diện di sản, giá trị di sản di tích và các định hướng khai thác di sản. Hoạt động tuyên truyền được diễn ra ngay tại hố khai quật, minh họa bằng các hiện vật khảo cổ khai quật tại chỗ. Quy mô các nhóm được tuyên truyền dưới 10 người để đảm bảo nhóm người có thể tập trung lắng nghe và thấu hiểu nội dung tuyên truyền.

Phương pháp chuyên gia: Kết thúc khai quật, đoàn khảo cổ tổ chức tọa đàm khoa học tại di tích nhằm thông báo các phát hiện mới về di tích, quảng bá giá trị di sản của di tích, đề xuất hướng bảo tồn và phát huy giá trị di

sản của di tích và tham vấn ý kiến các chuyên gia, các cơ quan quản lý về các nội dung khoa học và kết quả xây dựng mô hình.

3. LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU

3.1. Nguyên tắc tiếp cận “từ dưới lên” (Bottom - up) của Công viên Địa chất Toàn cầu UNESCO

Cách tiếp cận “từ dưới lên” được áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng và phát triển Công viên địa chất toàn cầu UNESCO, nhằm bảo tồn, hỗ trợ cộng đồng địa phương, phát huy di sản và phát triển bền vững khu vực. Các cộng đồng tại chỗ được xác định là bên liên quan chính, có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, có vai trò chủ thể đảm bảo rằng ý nghĩa địa chất của khu vực có thể được bảo tồn và phát huy phục vụ các mục đích khoa học, giáo dục và văn hóa, bên cạnh việc được sử dụng như một tài sản phát triển bền vững như thông qua phát triển du lịch có trách nhiệm. Việc thành lập Công viên địa chất cần dựa trên sự hỗ trợ mạnh mẽ của cộng đồng và sự tham gia của chính quyền địa phương, với cam kết xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý đáp ứng nhu cầu kinh tế của người dân địa phương đồng thời bảo vệ cảnh quan (UNESCO, 2015).

Giáo dục ở mọi cấp độ là cốt lõi của khái niệm CVĐC TC của UNESCO (UNESCO, 2015). Các khóa học/tập huấn/tuyên truyền sẽ cung cấp cho người dân địa phương cảm giác tự hào về vùng đất của họ và giúp củng cố bản sắc cộng đồng. Các khóa học và các việc làm mới được tạo ra cũng cho phép tăng doanh thu thông qua du lịch dựa vào các nguồn tài nguyên di sản của Công viên. Công viên cũng phải tạo điều kiện thúc đẩy nghiên cứu và hợp tác khoa học

Như vậy, có thể thấy, theo cách tiếp cận “từ dưới lên” của CVĐC TC UNESCO, cộng đồng địa phương là bên liên quan chính, trung tâm của các hoạt động tại CVĐC TC UNESCO. Bên cạnh đó, công tác xây dựng và

phát triển Công viên cũng yêu cầu sự tham gia của các bên liên quan khác đó là cơ quan quản lý, trong đó có các cơ quan quản lý cấp địa phương, các nhà giáo dục, các nhà khoa học và những nhà kinh tế. Hoạt động của CVĐC TC UNESCO nhằm đến các mục đích bảo tồn di sản và phát triển bền vững đối với cộng đồng, đối với địa phương thông qua các hoạt động khoa học, giáo dục, văn hóa và kinh tế.

3.2. Tiếp cận khảo cổ học cộng đồng

Khảo cổ học cộng đồng ra đời đầu tiên tại Mỹ vào những năm 70 của thế kỷ XX và nhanh chóng trở thành xu hướng tiếp cận tích cực trong bối cảnh khảo cổ học thế giới hiện nay (David.J. Meltzer, et al., 2006). Trong một cuốn sách cùng tên *Public Archaeology*, McGimsey đưa ra thuật ngữ này để giải thích cho nhu cầu bảo tồn di sản khảo cổ học nhằm phục vụ cho lợi ích của cộng đồng. Thuật ngữ “Public Archaeology” lúc đầu có nghĩa là “bằng chuyên môn của mình, các nhà khảo cổ học được hỗ trợ bởi cộng đồng và thay mặt cho cộng đồng, cố gắng ghi lại và bảo tồn di tích khảo cổ đang bị đe dọa bởi công trình xây dựng” (McGimsey, Charles R, 1972). Thuật ngữ này nhanh chóng lan rộng trong giới nghiên cứu khảo cổ trên khắp thế giới. Khác với khảo cổ học truyền thống/khảo cổ học hàn lâm vốn chủ yếu nhằm mục đích nghiên cứu, nhận thức về quá khứ thông qua văn hóa vật chất, khảo cổ học cộng đồng chủ yếu tập trung vào mối liên hệ và sự tương tác giữa khảo cổ học với cộng đồng và xã hội đương đại.

Trong bối cảnh khác nhau về mục đích, các điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội ở các quốc gia, khảo cổ học cộng đồng mặc dù được áp dụng rộng rãi nhưng chưa được nhận thức, định nghĩa và cách thức triển khai thống nhất. Tuy nhiên, có thể nhận thấy điểm chung trong các nghiên cứu, dự án khảo cổ cộng đồng đó là sự tồn tại mối liên kết giữa “nhà khảo cổ” với “cộng đồng” thông qua hoạt động “khảo cổ” (bao gồm phát hiện, nghiên cứu, bảo vệ, bảo

tồn và phát huy giá trị di tích) dựa trên câu nói là "di tích/hiện vật khảo cổ".

Dịch sát nghĩa theo tiếng Việt "Public Archaeology" nghĩa là "Khảo cổ học Cộng đồng". "Public Archaeology = Public + Archaeology". Tức là hoạt động khảo cổ học (i) nhất thiết cần phải có sự tham gia của cộng đồng, của người dân địa phương; (ii) mục đích nhằm phục vụ chính nhu cầu tìm hiểu quá khứ của người dân. Đây có thể xem là cách nhìn từ dưới lên (bottom-up explanation). Hiểu theo cách này, vai trò của người dân/cộng đồng tham gia vào hoạt động khảo cổ học sẽ được nhấn mạnh hơn (Nguyễn Huy Nhâm, 2019).

Tuy nhiên, với cách tiếp cận khảo cổ học là ngành khoa học, sự tham gia của cộng đồng, người dân địa phương cần xác định rõ là những hoạt động tham gia sáng tạo tri thức khoa học như: tham gia phát hiện, tham gia các công đoạn khai quật, xử lý di tích, xử lý hiện vật, cung cấp tư liệu đối chứng (như tri thức dân gian địa phương, tư liệu dân tộc học so sánh,...), phản biện luận điểm của chính các nhà khảo cổ học đưa ra... Chúng ta không thể coi hoạt động đơn thuần như hỗ trợ chỗ ở, cung cấp lương thực... cho đoàn khảo cổ là sự tham gia của cộng đồng vào nghiên cứu khảo cổ. Đây là cách hiểu đơn thuần mà từ đó chúng ta sẽ có hàng loạt thuật ngữ mới như: "hành chính công cộng đồng", "quản lý công cộng đồng"... Mục đích của cộng đồng trong "khảo cổ học cộng đồng" không chỉ gói gọn trong phạm vi nhu cầu nhận thức mà còn đảm bảo các lợi ích thiết thực xuất phát từ thực tiễn cuộc sống cộng đồng như lợi ích kinh tế, lợi ích đoàn kết cộng đồng, lợi ích quảng bá văn hóa....

Với cách tiếp cận như trên, quá trình xây dựng mô hình nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản khảo cổ học Thôn 7 chú trọng sự tham gia của cộng đồng/người dân vào các khâu của quy trình xây dựng mô hình nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân, phục

vụ quá trình phát triển bền vững địa phương. Cùng với các nhà khảo cổ, cộng đồng được xác định là một trong những bên liên quan cơ bản quyết định sự thành công của mô hình. Cách tiếp cận này cụ thể hóa quan điểm "từ dưới lên" của UNESCO đối với di sản khảo cổ học trong vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO

3.3. Tiếp cận bảo tồn di sản sống (living heritage)

Bảo tồn di sản sống là một xu hướng của hoạt động bảo tồn và phát huy di sản vào khoảng những năm 1990, xu hướng này được phát triển trên phạm vi quốc tế với các chương trình của ICCROM (International Centre for the Study of the Preservation and Restoration of Cultural Property), đáng chú ý là chương trình *Các địa điểm di sản sống (Living Heritage Sites programme)* từ đầu những năm 2000 ở khu vực Đông Nam Á. Sự thành công của những chương trình này đã cho thấy triển vọng của việc ứng dụng hướng tiếp cận di sản sống trong những cộng đồng và nền văn hóa bản địa/phi phương Tây.

Về cơ bản, tiếp cận di sản sống chú trọng vào sự kết nối nguyên gốc giữa cộng đồng với di sản và bảo tồn di sản đặt trong bối cảnh sự kết nối này. Bảo tồn theo hướng tiếp cận di sản sống không nhắm đến việc bảo tồn các giá trị vật thể mà nó duy trì "tính tiếp diễn", nhấn mạnh vào mối quan hệ phi vật thể của cộng đồng với di sản. Ở đây, "tính tiếp diễn" là một khái niệm cốt lõi trong lý thuyết về di sản sống: tính tiếp diễn về chức năng nguyên bản của di sản; tính tiếp diễn trong mối liên hệ cộng đồng – di sản; tiếp diễn trong sự bảo tồn, phát huy di sản của cộng đồng; và ngay cả sự biến đổi liên tục của những yếu tố vật thể và phi vật thể nhằm thích ứng với sự biến đổi của bối cảnh,... Theo Poullos (Ioannis Poullos, 2014), tiếp cận di sản sống rõ ràng là một tiếp cận dựa trên cộng đồng (community based approach). Cộng đồng đương hiện là chủ thể

nắm giữ vai trò quyết định trong bảo tồn di sản. Ở đây, di sản sống sẽ gắn bó với một nhóm cộng đồng (được gọi là cộng đồng lõi – core community) đóng vai trò sáng tạo di sản, duy trì chức năng nguyên bản của di sản, gìn giữ mối liên hệ mật thiết với di sản qua thời gian và đặc biệt, vẫn nhìn nhận di sản như một yếu tố nội sinh trong cuộc sống thường ngày của họ trên phương diện bản sắc, niềm tự hào...; họ có ý thức sở hữu mạnh mẽ đối với di sản và coi việc bảo tồn di sản là một bổn phận được kế thừa qua các thế hệ. Ngoài ra sẽ tồn tại một số nhóm cộng đồng biên (broader community) liên quan đến đời sống của di sản.

Cộng đồng lõi là một phần thiết yếu của di sản, và cần phải được phân biệt với cộng đồng biên hay những chuyên gia bảo tồn di sản. Một lưu ý đó là cộng đồng lõi trong tiếp cận di sản sống không đồng nhất với cộng đồng bản địa của tiếp cận giá trị. Cộng đồng lõi đóng vai trò quyết định trong quá trình bảo tồn, trong khi các chuyên gia bảo tồn đóng vai trò hỗ trợ với việc tư vấn những khung quản lý di sản hợp lý.

Dựa trên khung lý thuyết đã trình bày ở trên, có thể thấy với trường hợp các di sản khảo cổ trên địa bàn CVĐC TC UNESCO Đắk Nông, *hướng tiếp cận bảo tồn và phát huy phù hợp nhất đó là tiếp cận bảo tồn dựa trên giá trị di sản với sự tham gia không thể thiếu của cộng đồng (tiếp cận cộng đồng) nhằm đảm bảo quan điểm “từ dưới lên” của UNESCO trong đối xử với di sản khảo cổ*. Ở đây, chúng ta thấy sự xuất hiện của nhiều bên liên quan xoay quanh di chỉ khảo cổ với cộng đồng bản địa, cơ quan quản lý địa phương các cấp, chuyên gia, doanh nghiệp, khách du lịch... Thực tiễn cho thấy với việc các di chỉ khảo cổ phân bố rải rác trên địa bàn công viên địa chất và nằm trong/gần các khu vực sinh hoạt và sản xuất của cư dân bản địa (các rẫy cà phê, điều...), cộng đồng bản địa đã trở thành nhóm đối tượng cần được quan tâm hàng đầu bởi chính họ đang trực tiếp tương tác và ứng xử với di sản. Trong các chiến lược phát huy giá

trị di sản khảo cổ, ngành du lịch di sản khảo cổ chứng tỏ những tiềm năng to lớn. Tuy nhiên, việc phát triển hoạt động du lịch di sản khảo cổ cần dựa trên một số tiêu chí nhất định sau:

+ Việc xây dựng dự án phát triển du lịch ở di sản khảo cổ đòi hỏi một phương thức quản lý bền vững đối với di sản khảo cổ đó. Phương thức này bao hàm các yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau như: công tác nghiên cứu và đào tạo; bảo tồn và bảo vệ; đảm bảo chất lượng và tính xác thực; cách diễn giải phù hợp, thú vị và có sự tôn trọng đối với địa phương và cư dân bản địa; hợp tác và trao đổi giữa các bên liên.

+ Ngoài ra, cũng cần xem xét những yếu tố ngoại sinh có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản lý như phương diện chính trị (bao hàm cả những yếu tố thuộc về luật và quản lý), kinh tế, văn hóa, xã hội, biến động môi trường.

3.4. Lý thuyết vai trò các bên liên quan trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản

Lý thuyết các bên liên quan (Stakeholder theory) được khởi đầu từ nghiên cứu của Freeman (1984) về quản trị tổ chức và đạo đức kinh doanh trong công trình “Quản trị chiến lược: Cách tiếp cận từ các bên liên quan” (Strategic Management: A Stakeholder Approach). Lý thuyết các bên liên quan cho rằng tổ chức có nghĩa vụ phải đối xử công bằng giữa các bên liên quan, trong trường hợp các bên liên quan có xung đột lợi ích, doanh nghiệp phải có nghĩa vụ đạt được sự cân bằng tối ưu giữa chúng. Vì nhu cầu của các bên liên quan khác nhau và luôn thay đổi nên tổ chức sẽ tập trung vào đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan có lợi ích lớn, trực tiếp và cho rằng lợi ích của các bên còn lại cũng được thỏa mãn thông qua việc tổ chức đó theo đuổi chiến lược kinh doanh và báo cáo thông tin phù hợp với các chuẩn mực và giá trị xã hội. Các bên liên quan là một cá nhân/nhóm cá nhân có thể gây

ảnh hưởng/bị ảnh hưởng bởi hành động của doanh nghiệp (Nguyễn Ngọc Huyền, 2013).

Lý thuyết các bên liên quan không chỉ được ứng dụng trong quản trị doanh nghiệp mà còn được ứng dụng rộng rãi trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Nhóm tác giả Davie Simengwa và Simon Makuvaza, khi nghiên cứu về trường hợp quản lý di sản ở Malawi, cho rằng vì không có sự tham gia của các bên liên quan trong hệ thống di sản nên luôn có những xung đột trong cách thức quản lý. Các xung đột thường nảy sinh từ việc quản lý các địa điểm di sản với lợi ích của nhiều bên (Davie Simengwa, Simon Makuvaza, 2015). Lợi ích đây bao gồm cả lợi ích vật chất lẫn lợi ích tinh thần và cơ hội phát triển. Hầu hết các nghiên cứu trong và ngoài nước đều coi trọng vai trò của cộng đồng đối với bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Riêng đối với công tác bảo tồn và phát huy di sản khảo cổ hiện nay, cần thiết tái cấu trúc mô hình và hệ thống quản lý di sản, trong đó việc tăng quyền cho cộng đồng để họ trở thành lực lượng chủ đạo sẽ có ý nghĩa mang tính quyết định để sự nghiệp gìn giữ bảo tồn và phát huy giá trị di sản được thực hiện thành công, hiệu quả và bền vững (Bùi Hữu Tiến, 2018).

Bên cạnh vai trò cộng đồng, các bên liên quan còn được xác định bao gồm nhà quản lý, nhà nghiên cứu, nhà truyền thông. Theo đó, mối quan hệ giữa các bên liên quan có tác động qua lại lẫn nhau, tác động trực tiếp đến hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Nhà nước quản lý và điều hành các hoạt động về di sản; cộng đồng là những người trực tiếp thực hành di sản, di sản gắn bó chặt chẽ với cộng đồng. Các nhà nghiên cứu góp phần đưa tiếng nói của mình để tham vấn cho Nhà nước thực hiện và điều chỉnh các chính sách, quy định cho phù hợp; nhà truyền thông đóng vai trò góp phần quảng bá, tuyên truyền, phản ánh những vấn đề liên quan đến di sản tới các bên liên quan (Đoàn Văn Luân, 2021).

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Quy trình triển khai xây dựng mô hình

4.1.1. Xây dựng tiêu chí lựa chọn địa điểm xây dựng mô hình

Công tác xây dựng mô hình nhằm hai mục tiêu: phục vụ nghiên cứu khảo cổ học và phục vụ sự phát triển của địa phương, vì vậy địa điểm được lựa chọn xây dựng mô hình phải đáp ứng các tiêu chí:

- Di tích có giá trị về nhận thức khoa học khảo cổ học: Đây là những di tích có khả năng có thể mở ra những nhận thức mới bổ sung vào khoảng trống trong nhận thức về một giai đoạn lịch sử nhất định hoặc bổ sung thêm một số yếu tố văn hóa – xã hội trong các giai đoạn lịch sử đã được nhận thức phần nào qua các hoạt động nghiên cứu trước đó.

- Di tích còn khả năng nghiên cứu khảo cổ học: Tại các tỉnh Tây Nguyên nói chung, vùng CVĐC TC UNESCO Đắk Nông nói riêng, một số địa điểm phát hiện hiện vật khảo cổ trên bề mặt nhưng quá trình khai quật không phát hiện tầng văn hóa hoặc tầng văn hóa rất mỏng và chứa đựng rất ít di tồn vật chất nên không thể có giá trị nhận thức khoa học. Mặc khác, vì phân bố trong các rẫy canh tác nông nghiệp hoặc trong khu dân cư nên hầu hết các di tích khảo cổ ngoài trời khu Công viên đều bị xâm hại, thậm chí bị phá hủy hoàn toàn. Do đó, di tích được lựa chọn xây dựng mô hình cần đảm bảo có tầng văn hóa và địa tầng giữ được tính nguyên vẹn (insitute).

- Di tích có khả năng tích hợp với các di sản khác của CVĐC TC UNESCO Đắk Nông nâng tầm giá trị di sản của chính di tích và các di sản khác: Giá trị di sản cốt lõi của CVĐC TC UNESCO là giá trị di sản địa chất. Do đó, muốn đạt hiệu quả trong công tác bảo tồn và phát huy di tích khảo cổ, bản thân di tích khảo cổ cần có sự tích hợp với giá trị di sản địa chất tiêu biểu của CVĐC TC, thậm chí giá trị di sản

còn được nâng cao hơn nữa nếu có thể gắn với các di sản văn hóa và thiên nhiên khác trên địa bàn. Khả năng tích hợp đòi hỏi không gian phân bố di tích trùng với không gian một hoặc nhiều di sản khác (ví dụ cảnh quan thác, hồ nước, núi lửa, ...) hoặc liên kề/cách không quá xa và thuận tiện kết nối giao thông với các điểm di sản trên các tuyến di sản của CVĐC TC UNESCO Đắk Nông.

- Di tích có khả năng phục vụ nhiều mục tiêu phát triển: mục tiêu công nhận CVĐC TC của UNESCO là nhằm phục vụ mục đích phát triển cộng đồng, phát triển địa phương gắn với bảo tồn các di sản địa chất cùng các di sản khác trong khu vực theo hướng phát triển bền vững. Do đó, di tích sau khi được nghiên cứu, ngoài các giá trị về nhận thức khoa học lịch sử - văn hóa, có thể bảo tồn phục vụ hoạt động du lịch, nâng cao sinh kế cộng đồng địa phương, tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, yêu quê hương cho các thế hệ sau. Mặc khác, với đặc thù không gian bao trùm đến tuyến biên giới Việt Nam – Campuchia, một số di tích khảo cổ gần kề hoặc trong khu vực biên giới thuộc CVĐC TC UNESCO Đắk Nông cần được xem xét là một dạng thức "cột mốc biên giới mềm" minh chứng một giai đoạn phát triển lịch sử dân tộc tại vùng biên.

- Tính thuận tiện trong bảo tồn và khai thác di tích: đảm bảo khả năng các phương án quy hoạch, bảo tồn di tích có tính khả thi, hiệu quả kinh tế, không chỉ cộng đồng địa phương mà các đối tượng khác cũng có thể dễ dàng tiếp cận và khai thác giá trị di sản. Tính thuận tiện về cơ bản liên quan đến yếu tố hạ tầng vật chất tại địa phương và có thể khắc phục qua những dự án đầu tư trong tương lai của chính quyền, của cộng đồng và của doanh nghiệp.

Trên thực tế, không phổ biến di tích đáp ứng được các tiêu chí về mặt giá trị lẫn khả năng bảo tồn và phát huy di sản phục vụ phát triển. Căn cứ dữ liệu khoa học về di tích khảo cổ học tại khu vực nghiên cứu, nổi bật một số di tích có giá trị khoa học đáp ứng các tiêu chí

đề ra (bảng). Trong đó, di tích Thôn 7 (xã Đắk Drô, huyện Krông Nô), hay còn gọi là di tích Krông Nô 1, nổi lên với giá trị nổi bật khi có tiềm năng phản ánh về một giai đoạn lịch sử sơ khai chưa được đề cập đến trong lịch sử Đắk Nông – thời đại Đá cũ. Những nhận thức lịch sử từ nghiên cứu di tích Đá cũ Thôn 7 không chỉ giới hạn trong phạm vi không gian tỉnh Đắk Nông mà còn góp phần nhận thức lịch sử dân tộc, lịch sử phát triển loài người. Mặc khác, di tích Thôn 7 phân bố tại vùng lõi di sản CVĐC TC UNESCO Đắk Nông - nơi tập trung các điểm di sản nổi bật của Công viên, cách không xa trung tâm huyện lỵ, thuận tiện đường giao thông liên xã và cách không xa quốc lộ 28. Do đó, di tích Thôn 7 là một trong những điểm có khả năng triển khai xây dựng mô hình.

Tuy nhiên, các dữ liệu khoa học đã được xây dựng cách thời điểm lập mô hình một khoảng thời gian nên cần có hoạt động điều tra hiện trạng, đánh giá thực tế các yếu tố đảm bảo khả năng thực hiện mô hình.

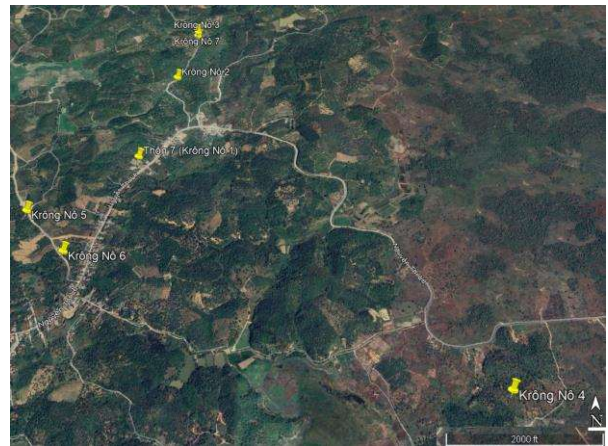
4.1.2. Điều tra thực địa, lựa chọn địa điểm xây dựng mô hình

Việc xác minh di tích đáp ứng các tiêu chí về giá trị, khả năng bảo tồn và phát huy di sản trong tổng số gần 80 di tích khảo cổ trong CVĐC TC UNESCO Đắk Nông không chỉ dựa vào dữ liệu báo cáo khoa học đã công bố trước đó mà cần được tiến hành điều tra, khảo sát thực địa nhằm đưa ra lựa chọn phù hợp.

Trong năm 2023, Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên cùng Bảo tàng tỉnh Đắk Nông đã tiến hành nhiều đợt khảo sát thực địa, rà soát tổng thể 78 di tích đã phát hiện, nhằm đánh giá lại hiện trạng di tích, khả năng tiến hành khai quật xây dựng mô hình. Quá trình khảo sát không chỉ đánh giá mức độ xâm phạm di tích, đánh giá phần không gian còn nguyên vẹn có thể khai quật phục vụ xây dựng mô hình, đánh giá khả năng bảo vệ di tích sau khi khai quật, nghiên cứu và bảo tồn tại chỗ

cũng như khả năng mở rộng diện tích bảo tồn nhằm phục vụ công tác phát huy trong tương lai. Do đó, đoàn khảo sát ngoài sự tham gia của các chuyên gia khảo cổ, còn có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước địa phương (cụ thể trong trường hợp này là cán bộ thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông). Đoàn công tác trực tiếp gặp gỡ các hộ liên quan (chủ đất có di tích, người có uy tín trong cộng đồng...) nhằm tuyên truyền bước đầu về di tích, về các mục tiêu công tác nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản gắn với quyền lợi các cộng đồng và nắm bắt kế hoạch sử dụng đất của hộ gia đình cùng tập quán văn hóa truyền thống của gia đình, của cộng đồng, đặc biệt là những điều kiêng kỵ trong ứng xử với di sản lịch sử. Người dân, cộng đồng chính thức tham gia vào công tác xây dựng mô hình với các bên liên quan khác là nhà quản lý và nhà nghiên cứu. Ý kiến của người dân đóng vai trò quan trọng trong quyết định lựa chọn địa điểm xây dựng mô hình.

Qua khảo sát, di tích Thôn 7 (xã Đắk Drô, huyện Krông Nô) vẫn được bảo tồn một cách tương đối nguyên vẹn, còn nhiều không gian để tiếp tục mở rộng nghiên cứu và phát huy trong tương lai. Đáng chú ý, di tích Thôn 7 có vị trí trung tâm, liền kề hoặc cách không xa không gian phân bố các địa điểm khảo cổ học Đá cũ Krông Nô 2, Krông Nô 3, Krông Nô 4, Krông Nô 6 và Krông Nô 7. Từ vị trí Thôn 7, có thể mở rộng nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản di tích đến các di tích trong quần thể di tích Đá cũ Krông Nô. Di tích Thôn 7 phân bố trong không gian canh tác đất nông nghiệp hộ ông Trần Văn Vụ. Đoàn đã dành nhiều thời gian tuyên truyền về giá trị di sản, về Luật Di sản văn hóa, kế hoạch xây dựng mô hình, thống nhất cách thức xây dựng mô hình không ảnh hưởng đến cuộc sống và sinh hoạt tâm linh của gia đình; đoàn khảo sát đã được sự thống nhất và cam kết hỗ trợ của hộ gia đình và cộng đồng trong triển khai xây dựng mô hình.



Hình 1. Cánh quan di tích khảo cổ Thôn 7 (ứng dụng phần mềm Google Earth Pro)

4.1.3. Khai quật và nghiên cứu giá trị di tích Thôn 7

Tháng 3/2024, triển khai quyết định số 449/QĐ-BVHTTDL, ngày 26/2/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đoàn khai quật của Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên gồm các chuyên gia khảo cổ học, đại diện cơ quan quản lý nhà nước của địa phương gồm Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông, phòng Văn hóa – Thông tin huyện Krông Nô phối hợp cùng người dân địa phương tổ chức khai quật di tích khảo cổ Thôn 7, xã Đắk Drô, huyện Krông Nô.

Đoàn đã khai quật 2 hố ở trung tâm và nơi cao nhất của di tích với tổng diện tích 26m², gồm 2 hố: Hố 1 (ký hiệu 24.T7.H1, tọa độ: 12027'52" vĩ độ Bắc, 107054'12" kinh độ Đông) rộng 16m² (4m x 4m); Hố 2 (ký hiệu 24.T7.H2, tọa độ: 12°27'51.71" vĩ độ Bắc, 107°54'10.41" kinh độ Đông), rộng 10m² (2m x 5m). Hai hố khai quật đều nằm trong vườn trồng cà phê phía sau nhà ở của gia đình ông Trần Văn Vụ. Kết quả khai quật cụ thể (Vũ Tiến Đức, 2024):

*** Về địa tầng**

Địa tầng (hay tầng đất) hố khai quật di tích khảo cổ Thôn 7 dày trung bình 110 cm. Trên địa tầng, quan sát thấy có 3 lớp trầm tích kế tiếp nhau như sau:

- Trên cùng là lớp mặt (độ sâu 0 - 40 cm) chiều dày trung bình ~30 cm, lớp đất canh tác thường xuyên, bao gồm bột đất chứa sạn, sỏi, bờ rời, có màu xám chứa ít mùn thực vật.

- Tầng văn hóa (độ sâu 40 – 120 cm) là lớp sạn sỏi laterit bờ rời chứa cuội (tầng nhỏ). Trầm tích có màu nâu vàng ở phần trên, chuyển dần xuống dưới có màu đỏ nâu - nâu đỏ, càng xuống dưới màu càng sẫm màu hơn và sạn sỏi mềm bờ hơn. Lớp này chứa tầng cuội nguyên, cuội vỡ tự nhiên, cuội do con người ghè đập, hay vết tích văn hóa của con người, dày trung bình 70-80 cm. Trong đó, đá thạch anh (quartz) chiếm đa số (dạng ít khoáng). Cuội có đặc trưng phân bố không đều theo mặt bằng và độ sâu, với xu hướng phân bố tập trung thành từng cụm, trong đó có lẫn/chứa các di vật/hiện vật. Mật độ phân bố có xu hướng giảm dần theo chiều từ Đông sang Tây, từ cao xuống thấp theo bề mặt địa hình hiện tại.

- Sinh thổ là lớp đào thứ ba hay lớp cuối cùng, nằm ở độ sâu từ 100 m - 120 m. Chúng tôi đào hố kiểm tra đều không còn di vật đá nào.

* Về di tích

Trong hố khai quật 24.T7.H1 và 24.T7.H2, xuất hiện 2 loại cụm đá. Loại cụm các viên đá cuội tập trung, thường ở Lớp mặt hoặc các lớp 2 hoặc 3 của hố khai quật. Các cụm đá này là sản phẩm của cuội bề mặt di tích có sự “tham góp” của cuội lấy lên từ các hố đào trồng cây được thu gom, vớt lại quanh hố. Trong cụm này ngoài các viên cuội nguyên, kích thước lớn còn có các mảnh đá vỡ. Cụm đá này là do người thời sau tạo ra.

Khi khai quật xuống các lớp đào L5 đến lớp đào L7 lại xuất hiện cụm các hiện vật tập trung thành nhóm. Đó là các mảnh vỡ, mảnh tước đá thạch anh, kích thước nhỏ, tập trung

thành từng cụm, hầu như không có các viên cuội nguyên như mức trên. Có thể đây đây là những mảnh tước tách ra trong quá trình ghè đẽo đá, chế tác công cụ đá tại chỗ của cư dân thời tiền sử. Và, như vậy, việc chế tác công cụ được diễn ra tại nơi cư trú.



Hình 2. Hố khai quật 24.T7.H1

* Về di vật

Trong tổng diện tích 26 m² khai quật địa điểm Thôn 7, phát hiện duy nhất là đồ đá. Những viên cuội và mảnh đá vỡ với khối lượng khá lớn, song những viên đá có dấu vết ghè đẽo của con người không nhiều, cả hai hố thu 102 hiện vật. Các hiện vật phân bố rải rác trong địa tầng dày khoảng 80 cm của di tích. Các hiện vật chất liệu chủ yếu là đá Quartz – chất liệu phổ biến trong thành phần trầm tích hố khai quật. Về loại hình, hiện vật bao gồm: 17 hạch đá, 28 nạo cắt, 14 công cụ mũi nhọn, 8 công cụ chặt, 24 mảnh tước, 1 phiến tước, 1 lưỡi rìu, 4 đá nguyên liệu và 5 hiện vật thuộc loại hình chày/hòn ghè. Dưới đây, là một số thông tin về các loại hiện vật:

- Hạch đá: có 17 chiếc, trên thân có vết ghè tách mảnh tước và sử dụng mảnh tước đó để làm công cụ. Các hạch đá ở đây hầu như không chuẩn bị diện ghè, tận dụng mặt cuội ghè trực tiếp. Có một số hạch đá ghè từ hai

mặt cuội lại, tạo hạch còn 2 diện ghè đối nhau. Phần lớn hạch đá có hình khối đa giác, các mặt bên là mặt âm vết ghè tách mảnh.

- Công cụ mũi nhọn, được ghè hai hoặc ba mặt tập trung ở một đầu viên cuội, tạo ra 1 đầu nhọn, phần đối diện với đầu nhọn là tay cầm vẫn còn vỏ cuội. Có công cụ mũi nhọn mặt cắt ngang đầu nhọn hình tam giác (hay mũi nhọn tam diện). Đây là những công cụ đặc trưng cho thời đại Đá cũ.

- Công cụ nạo cắt được làm từ mảnh tước ban đầu, có chu vi gần tròn, hình bầu dục, lợi dụng một mặt cuội tự nhiên, mặt kia phẳng, lưỡi mỏng, đôi khi được tu chỉnh làm nên công cụ nạo, cắt xẻ thịt, cắt rau, củ. Một số ít nạo ghè một mặt, ghè xung quanh chu vi hòn cuội, có một mặt còn vỏ cuội, góc lưỡi lớn, gọi lại nạo hình đĩa gần sumatralith trong sơ kỳ Đá mới, văn hóa Hòa Bình.

- Công cụ mảnh tước, được tách ra từ hạch đá. Có mảnh tước ban đầu (một mặt còn vỏ cuội) có mảnh tước thứ (tách ra tiếp sau mảnh tước ban đầu). Mảnh tước kích thước nhỏ, có 2 mặt lớn: mặt lưng và mặt bụng. Vết tu chỉnh không đều trên một đoạn rìa. Công cụ này được người tiền sử sử dụng để cắt, gọt.

- Chày cuội/hòn ghè có dạng hình cầu, kích thước trung bình, một hoặc hai đầu hiện vật có vết va đập với vật cứng khác

Ngoài ra, trong lớp mặt hai hố khai quật, phát hiện 01 mảnh lưỡi rìu bằng đá cát kết hình tứ giác, ghè hai mặt cân đối cùng, 4 đá nguyên liệu chất liệu khác chất liệu đá Quartz phổ biến trong di tích. Hiện vật phân bố trong lớp mặt, có khả năng phản ánh một giai đoạn phát triển khác với giai đoạn được biểu thị bởi các nhóm hiện vật tìm thấy trong tầng văn hóa.



Hình 3. Một số hiện vật tại Thôn 7

*** Một số giá trị lịch sử văn hóa của di tích**

Địa điểm Thôn 7 có vị trí thuận tiện cho việc cư trú của người thời tiền sử. Địa điểm này nằm ở độ cao 430 m, vốn là thềm sông cổ với sự phân hóa cao của đá lục nguyên, mà dấu tích còn lại là sự có mặt của các viên cuội tự nhiên bề mặt được bào mòn nhẵn đều, phủ khắp bề mặt đồi gò. Phạm vi di tích là một đồi đất 3 mặt là suối, dù chỉ có nước vào mùa mưa, nhưng thảm thực vật hai bên suối vẫn tốt tươi. Có thể vào xa xưa nơi đây có nhiều điều kiện thuận tiện cho việc cư trú, sinh sống của con người. Trong phạm vi hố khai quật, chưa tìm thấy dấu tích than tro và bếp, nên tính chất nơi cư trú lâu dài, ổn định của con người cần nghiên cứu thêm. Nhưng sự hiện diện của công cụ đá, các hạch đá, các mảnh tước và sự phân bố thành cụm ở trong tầng văn hóa độ sâu 60 cm - 70cm, đã gợi ý địa điểm Thôn 7 còn là nơi chế tác công cụ của con người. Có thể *Thôn 7 là nơi cư trú và nơi chế tác công cụ đá của cư dân thời tiền sử.*

Kết quả khai quật di tích Thôn 7, xã Đắk Drô đã thu được tổ hợp công cụ phản ánh 2 giai đoạn phát triển:

- Giai đoạn 1: công cụ cuội ghè đẽo với loại hình kỹ thuật thô sơ của thời đại Đá cũ, nhưng đã bắt đầu nảy sinh các yếu tố của loại hình và kỹ thuật đá mới sớm. Những vết tích

văn hóa còn lại ở đây cho thấy, đây là di tích cư trú tạm thời, đồng thời là nơi chế tác công cụ đá của cư dân tiền sử cách nay trên 1 vạn năm;

- Giai đoạn 2: Trong các lớp mặt của di tích Thôn 7 đã tìm thấy phác vật rìu tứ giác, các công cụ hình rìu, có thể cả bàn mài, là những dấu hiệu của cư dân thời đại Đá mới, tương đương với di tích Thôn Tám Đắc Wil (huyện Cư Jút) và hang C6.1, Đắc Sôr (huyện Krông Nô). Tại hang C6.1 cho niên đại từ 7.000 năm đến 4.500 năm cách ngày nay

Những phát hiện này đã bổ sung tư liệu về giai đoạn văn hóa cổ xưa nhất hiện biết ở tỉnh Đắk Nông, một dạng hình văn hóa ngoài trời, thêm sông cổ xa xưa nhất trong khu vực di sản CVĐC TC UNESCO Đắk Nông.

4.1.4. Các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản gắn với hoạt động khai quật di tích

Mục tiêu khai quật di tích gắn nghiên cứu với bảo tồn và phát huy giá trị di sản, vì vậy, trong quá trình khai quật, đoàn nghiên cứu đã tiến hành các hoạt động bảo tồn, tuyên truyền, quảng bá giá trị di tích và phối hợp xây dựng phương án bảo vệ, phát huy giá trị di sản trong tương lai.

*** Bảo tồn tại chỗ tầng văn hóa hố khai quật**

Trong quá trình khai quật, đoàn khai quật lựa chọn các lớp đào không có dấu vết xáo trộn, xâm phạm di tích, tập trung hiện vật, có các hiện vật đa dạng, dễ nhận biết qua hình dáng ban đầu để bảo tồn. Mỗi mặt bằng cùng các hiện vật được bảo tồn tại chỗ truyền tải những nội dung khác nhau góp phần giúp khách tham quan hiểu về di tích, hình dung về cuộc sống thời tiền sử. Kết quả đã bảo tồn 5 mặt bằng cùng các hiện vật xuất trong lớp được bảo tồn tại chỗ. Cụ thể:

- Mặt bằng 24.T7.H1.L4. c1c2d1d2, kích thước 2 m x 2 m. Mặt bằng là đại diện những

lớp đào bên trên cùng của tầng văn hóa hố 27.T7.H1.

- Mặt bằng 24.T7.H1.L6. a1a2b1b2, kích thước 2 m x 2 m, sâu so với mặt bằng bảo tồn thứ nhất 20 cm. Mặt bằng là đại diện những lớp đào giữa tầng văn hóa hố 27.T7.H1.

- Mặt bằng 24.T7.H1.L7. a2a3b3b4, kích thước 2 m x 2 m, sâu so với mặt bằng bảo tồn thứ hai 10 cm. Tại mặt bằng xuất lộ cụm các hiện vật đá tập trung thành nhóm, bao gồm mảnh tước, hạch đá, ... được hình thành bởi yếu tố nhân tạo, phản ánh hoạt động chế tác công cụ đá của chủ nhân di tích.

- Mặt bằng 24.T7.H2.L5.a1a2b1b2, kích thước 2 m x 2 m. Mặt bằng là đại diện những lớp đào bên trên cùng của tầng văn hóa hố 27.T7.H2.

- Mặt bằng 24.T7.H2.L6.a3a4b3b4, sâu so với mặt bằng bảo tồn thứ hai 10 cm. Mặt bằng là đại diện những lớp đào giữa tầng văn hóa hố 27.T7.H2.

Sau khi kết thúc khai quật, toàn bộ hố khai quật được phủ tấm nilon và lấp hố kỹ thuật bằng chính đất cùng các trầm tích trong quá trình khai quật đào lên.

*** Tuyên truyền hoạt động nghiên cứu và giá trị di sản di tích Thôn 7**

Kinh nghiệm từ một số quốc gia cho thấy không chỉ di tích mà hoạt động nghiên cứu, khai quật di tích của các nhà nghiên cứu cũng gây sự tò mò, lôi cuốn đối với người dân, du khách. Mặt khác, công khai quá trình khai quật còn là một biện pháp minh bạch hóa công tác bảo tồn di sản văn hóa và tuyên truyền giá trị di sản trực tiếp nhất, hiệu quả nhất. Trong quá trình khai quật di tích Thôn 7, đoàn khai quật đã tiếp đón, thuyết minh cho những nhóm tham quan nhỏ lẻ quy mô dưới 10 người/nhóm là người dân địa phương, hướng dẫn viên du lịch, người tham gia hoạt động du lịch cộng đồng, khách du lịch đang tham quan trên địa bàn. Với các nhóm quy mô nhỏ, nhà nghiên

cứu có điều kiện giải thích cụ thể về đặc điểm di tích, đặc điểm từng loại hình hiện vật, từng kỹ thuật chế tác liên quan và giải đáp mọi thắc mắc của người nghe. Người nghe có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với các mẫu hiện vật, phân biệt hiện vật khảo cổ với đá tự nhiên.

Công tác tuyên truyền với cộng đồng địa phương còn được thể hiện qua sự tham gia của lực lượng nhân công là người tại chỗ. Đoàn khai quật hướng dẫn các nhân công các kỹ thuật cơ bản xử lý di tích, hiện vật khảo cổ trong hố khai quật. Quá trình khai quật cùng các chuyên gia, những nhân công này nắm bắt thêm những kiến thức cơ bản về di tích và có thể nhận diện các hiện vật khảo cổ ngay khi mới xuất lộ, từ đó có những xử lý phù hợp. Những nhân công tham gia khai quật cũng sẽ là những người có khả năng tuyên truyền cho cộng đồng về di tích và công việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

Không chỉ giới hạn trong phạm vi cộng đồng địa phương, đoàn khai quật đã tiếp và chia sẻ rộng rãi thông tin với các phóng viên về di tích Thôn 7, về kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di sản di tích Thôn 7 sau khai quật cũng như định hướng phát huy giá trị các di sản khảo cổ tương tự trên địa bàn Công viên. Tổng cộng 13 bài viết trên báo điện tử, cổng thông tin điện tử địa phương, Bộ, ban, ngành và báo in. Thực tế quá trình khai quật thôn 7 thể hiện sự quan tâm của cộng đồng đối với hoạt động khảo cổ và di tích khảo cổ, cũng là kinh nghiệm cho các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản khảo cổ gắn với phát triển trong tương lai.

*** Tham vấn cộng đồng và chính quyền địa phương về phương án bảo tồn và phát huy giá trị di sản di tích Thôn 7**

Kết thúc hoạt động khai quật, Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên phối hợp Ủy ban Nhân dân huyện Krông Nông tổ chức buổi thông báo kết quả khai quật và tham vấn phương án bảo tồn, phát huy giá trị di sản di tích Thôn 7.

Buổi thông báo có sự tham gia của đại diện các Sở, Ban, ngành, Ủy ban Nhân dân huyện Krông Nông, Ủy ban Nhân dân xã Đắk Drô, hộ gia đình tại địa phương. Đại diện đoàn khai quật đã báo cáo kết quả khai quật và đề xuất phương án bảo tồn tại chỗ phục vụ khai thác di tích gắn với giáo dục, du lịch tại địa phương. Các ý kiến góp ý của đại biểu đại diện các cấp chính quyền, người dân địa phương đều được đoàn khai quật ghi nhận và bổ sung vào kiến nghị trình cấp có liên quan.



Hình 4. Thuyết minh về di sản tại hố khai quật

4.2. Đánh giá hiệu quả mô hình

Hoạt động khai quật, nghiên cứu gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản di tích khảo cổ học Thôn 7 đã đạt được mục tiêu đề ra với các sản phẩm chính:

Thứ nhất, Về mặt nhận thức khoa học, kết quả khai quật di tích Thôn 7 đã minh chứng về sự tồn tại cơ tầng Đá cũ tại tỉnh Đắk Nông cách ngày nay khoảng trên 10.000 năm và có thể còn cổ xưa hơn nữa. Kết quả khai quật Thôn 7 đã xác lập và bổ sung thêm một giá trị di sản văn hóa khảo cổ mới cho CVĐC TC UNESCO Đắk Nông: *Khảo cổ tiền sử Đá cũ*, gợi mở những hướng nghiên cứu tiếp theo về lịch sử vùng đất Đắk Nông trong thuở sơ khai lịch sử dân tộc.

Thứ hai, quá trình khai quật di tích Thôn 7 đã thu hút sự quan tâm của nhiều thành phần xã hội đối với di sản khảo cổ, qua đó xác định được các đối tượng liên quan đến công tác bảo

tồn và phát huy giá trị di sản di tích khảo cổ ngoài trời tại CVĐC TC Đăk Nông, cụ thể:

- Các nhà nghiên cứu, nòng cốt là nhà khảo cổ, cùng với các nhà khoa học thuộc những chuyên ngành liên quan khác như địa chất học, di sản học... với mục đích nghiên cứu khoa học, nghiên cứu về di tích, về lịch sử phát triển vùng đất. Những nghiên cứu của các nhà khoa học có tính chất sáng tạo ra tri thức, tìm ra những giá trị di sản, tham vấn định hướng, giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản trên cơ sở các luận điểm, luận cứ khoa học.

- Cộng đồng địa phương với mối quan tâm đầu tiên là đặc điểm di tích, tiếp đến là các kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích cùng sự ảnh hưởng của các kế hoạch này đến tài sản (đất sử dụng, cây trồng hiện tại...) và sinh kế lâu dài của người dân. Trong trường hợp những kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di sản của di tích không có ảnh hưởng tiêu cực, người dân hoàn toàn ủng hộ chính quyền triển khai thực hiện. Đây là bên liên quan chính, có vai trò quyết định trực tiếp đến hiệu quả bảo tồn và phát huy giá trị di sản di tích khảo cổ. Cộng đồng địa phương cũng là những đối tượng thụ hưởng trực tiếp và đầu tiên giá trị di sản không chỉ trong phát triển sinh kế mà còn trong giáo dục ý thức, truyền thống yêu nước, bản sắc lịch sử - văn hóa địa phương đối với các thế hệ con em thông qua di tích tại chỗ.

- Cơ quan quản lý nhà nước các cấp, đặc biệt tại địa phương phát hiện di tích nhằm mục đích xây dựng được cơ sở thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với di sản trên địa bàn, về phương án bảo tồn và phát huy di tích gắn với kế hoạch phát triển địa phương. Đây là bên liên quan quan trọng trong kiến tạo môi trường pháp lý, định hướng và quản lý cộng đồng cùng các bên liên quan khác tham hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản trong khuôn khổ các quy định quản lý nhà nước

- Những người làm du lịch, dịch vụ hộ cá thể hoặc thuộc doanh nghiệp trong và ngoài địa phương nhìn nhận di tích dưới góc độ sản phẩm du lịch/dịch vụ và tìm kiếm khả năng khai thác sản phẩm đặc biệt này nhằm làm phong phú mặt hàng kinh doanh của hộ gia đình, doanh nghiệp.

- Cộng đồng truyền thông, cụ thể là các phóng viên chuyên thông và trong bối cảnh mạng xã hội bùng nổ thì cả bất kỳ ai cũng có thể tham gia công tác truyền thông xã hội thông qua các chia sẻ trên trang cá nhân. Với cộng đồng truyền thông, tính "mới lạ", ít phổ biến của hoạt động khai quật cùng các hiện vật khảo cổ tạo sức hút rộng rãi với cộng đồng, qua đó tuyên truyền rộng rãi về di sản.

- Khách du lịch là đối tượng nhắm đến trong các hoạt động khai thác giá trị di sản. Khách du lịch đến di sản với nhiều mục đích khác nhau, phần vì sự tò mò, nhu cầu nhận thức, nhu cầu giáo dục.... Du khách đến với di tích không chỉ bởi đơn thuần bản thân di tích mà còn vì các dịch vụ, di sản khác trong khu vực. Tuy nhiên, việc du khách tìm đến với di tích trong khi thông tin về di tích cũng như hoạt động khai quật chưa được công khai rộng rãi đã minh chứng sức hút của di sản di tích khảo cổ đối với đông đảo du khách. Số lượng và lượng khách đến với di tích phản ánh hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản di tích.

Thứ ba, mô hình tạo ra sản phẩm lịch sử - văn hóa mới là các hố khai quật được bảo tồn nguyên vẹn cùng hơn 100 hiện vật khảo cổ học sẽ được bàn giao cho các cơ quan quản lý nhà nước tỉnh Đăk Nông nhằm phục vụ hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản di tích gắn với các hoạt động phát triển kinh tế và văn hóa tại địa phương. Từ hố khai quật được bảo tồn và các hiện vật khảo cổ đã phát hiện, các nhà khoa học có thể tiếp tục mở rộng nghiên cứu

trong tương lai nhằm làm sáng rõ về giai đoạn sơ khai lịch sử vùng đất Đăk Nông.

5. KẾT LUẬN

Khai quật Thôn 7, xã Đăk Drô, huyện Krông Nô là mô hình nghiên cứu gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản di tích khảo cổ học đầu tiên được thực hiện tại tỉnh Đăk Nông, mở ra hướng mới trong khai thác giá trị di sản tại khu vực CVĐC TC Đăk Nông. Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm các mô hình trong và ngoài nước, kết hợp vận dụng các quan điểm, cách tiếp cận và lý thuyết, mô hình đã thiết kế các hoạt động phù hợp, lan tỏa và thu hút sự quan tâm của nhiều nhóm đối tượng, từ đó xác định các bên liên quan trực tiếp đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản khảo cổ. Tuy nhiên, hoạt động mới chỉ là mô hình thí điểm, cần sự tiếp tục chung tay của các bên liên quan, mà trước tiên từ các nhà quản lý để có thể chuyển từ mô hình thí điểm thành sản phẩm cụ thể phục vụ phát triển CVĐC TC UNESCO Đăk Nông, phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Vũ Tiến Đức (2024), *Báo cáo kết quả khai quật di tích Thôn 7, xã Đăk Drô, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông năm 2024*, tư liệu Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên
- Nguyễn Ngọc Huyền (Chủ biên) (2031), *Giáo trình Quản trị kinh doanh*, tập 1. NXB. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội
- Đoàn Văn Luân (2021), “Lý thuyết và vai trò của các bên liên quan trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản”, tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 479, tháng 11-2021
- Nguyễn Huy Nham (2019), “Lý thuyết tiếp cận của khảo cổ học cộng đồng trong nghiên cứu di sản khảo cổ”, trên *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Tập 5, Số 6 (2019) 634-650, DOI: <https://doi.org/10.33100/tckhxnvn5.6>. Nguyễn Huy Nham
- Bùi Hữu Tiên (2018), “Đối thoại với di sản khảo cổ học: nghiên cứu phức hệ Di tích Vườn chuối”, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 4, 2018, tr.87-100.
- David.J. Meltzer, Don. D. Fowler và Jeremy A. Sabloff. *Khảo cổ học Mỹ: Quá khứ và tương lai*, Bản dịch Lâm Thị Mỹ Dung, Chu Hương Ly, Hà Nội, 2006
- Davie Simengwa, Simon Makuvaza (2015), *The Application of the Stakeholder Theory in the Management of Heritage Places in Malawi*, University of Zimbabwe.
- Ioannis Poullos (2014), “Discussing strategy in heritage conservation living heritage approach as an example of strategic innovation”, *Journal of Cultural Heritage Management and Sustainable Development*, vol.4, No.1, tr.16-34.
- McGimsey, Charles R (1972) *Public Archeology*, New York: Seminar Press.
- UNESCO (1972), *Công ước về việc bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên của thế giới, Paris*; dẫn theo <https://dsvh.gov.vn/cong-uoc-ve-viec-bao-ve-di-san-van-hoa-va-thien-nhien-cua-the-gioi-1691>, truy cập 27/7/2024
- UNESCO (2015), *Statutes of the International Geoscience and Geoparks Programme*, tải từ Cổng thông tin điện tử UNESCO, <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000260675>, truy cập ngày 29/7/2024

RESEARCH MODEL ASSOCIATED WITH THE CONSERVATION AND PROMOTION OF THE OUTDOOR ARCHAEOLOGICAL HERITAGE VALUES IN VILLAGE 7 AT ĐẮK NÔNG UNESCO GLOBAL GEOPARK

Vu Tien Duc^{1*}

¹*Central Highlands Institute of Social Sciences, Vietnam Academy of Social Sciences*

*Corresponding author: *Vu Tien Duc, tienduc1988@gmail.com*

GENERAL INFORMATION

Received date: 07/08/2024

Revised date: 29/08/2024

Accepted date: 21/11/2024

KEYWORD

Preserve and promote heritage

Dak Nong UNESCO Global Geopark

Archaeological relics;

Heritage value;

Paleolithic Age.

ABSTRACT

The Đắk Nông UNESCO Global Geopark (referred to as the Geopark), with its outstanding heritage values, has been identified as a key driver of Đắk Nông Province's development. However, to date, the effective utilization of the Geopark's heritage for socio-economic development remains limited. Archaeological studies have demonstrated the richness and diversity in the quantity, types, and potential of the outdoor archaeological sites within the Geopark. These heritage assets remain untapped, with no specific plans or actions in place for their development. Archaeological research aimed at the conservation and promotion of the heritage values of the outdoor archaeological site in Village 7 (Đắk Drô Commune, Krông Nô District) serves as a pilot model and a valuable lesson for implementing activities to harness the value of archaeological heritage for local development.